

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II – NĂM 2024- 2025 **LỊCH SỬ 10**

BÀI 7: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP THỜI HIỆN ĐẠI (Nội dung KT: 5%)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

3) Ý nghĩa cuộc cách mạng CN lần thứ ba và lần thứ tư

3.1. Kinh tế

- Mở rộng và đa dạng hoá các hình thức sản xuất và quản lí.
- Tiếp cận thông tin nhanh chóng -> ra quyết định nhanh, chính xác.
- Năng suất LĐ tăng gấp nhiều lần, tiết kiệm ...
- Mua sắm trực tuyến, tiếp cận thương mại toàn cầu.
- Thúc đẩy khu vực hoá, toàn cầu hoá kinh tế thế giới.

3.2. Xã hội

- Giải phóng sức lao động con người. lao động có kĩ năng, trình độ ngày càng tăng.
- Làm việc từ xa, tiết kiệm thời gian.

3.3. Văn hoá

- Tìm kiếm, chia sẻ thông tin thuận tiện.
- Trao đổi, giao tiếp thông qua các ứng dụng nhanh chóng.
- Giao lưu văn hoá dễ dàng, thuận lợi ...

II. CÂU HỎI THAM KHẢO

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại có ý nghĩa như thế nào đối với sự phát triển kinh tế?

- A. Thúc đẩy quá trình khu vực hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới.
- B. Dẫn đến sự hình thành của giai cấp công nhân hiện đại.
- C. Thúc đẩy các cộng đồng, dân tộc xích lại gần nhau hơn.
- D. Đưa nhân loại bước sang nền văn minh công nghiệp.

Câu 2. Các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại có tác động như thế nào đến đời sống xã hội?

- A. Mở rộng mối giao lưu và quan hệ giữa con người với con người.
- B. Tăng khoảng cách giữa người giàu và người nghèo ở các nước.
- C. Hình thành 2 giai cấp cơ bản của xã hội tư bản là: tư sản và vô sản.

Câu 3. Nội dung nào dưới đây phản ánh đúng tác động tích cực của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại đối với đời sống văn hóa?

- A. Đưa tri thức thâm nhập sâu vào nền sản xuất vật chất.
- B. Phát sinh tình trạng văn hóa “lai căng”.
- C. Tăng sự lệ thuộc của con người vào công nghệ.
- D. Xung đột giữa văn hóa truyền thống và hiện đại.
- D. Đưa nhân loại bước sang nền văn minh thông tin (văn minh trí tuệ).

Câu 4. Các cuộc cách mạng công nghiệp hiện đại có tác động tiêu cực nào đối với đời sống văn hóa?

- Mở rộng giao lưu giữa con người với con người.
- B. Đưa tri thức thâm nhập sâu vào nền sản xuất.
- C. Xung đột giữa văn hóa truyền thống và hiện đại.
- D. Thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau hơn

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa của các cuộc cách mạng công nghiệp thời kì hiện đại về mặt xã hội?

- A. Dẫn đến sự phân hóa trong lực lượng lao động.
- B. Thúc đẩy giao lưu và kết nối văn hoá toàn cầu.
- C. Thúc đẩy sự phát triển của thương mại điện tử.
- D. Làm xuất hiện nhiều ngành công nghiệp mới.

Câu 6. Một trong những tác động tiêu cực của các cuộc cách mạng công nghiệp thời hiện đại về mặt văn hóa đối với các quốc gia, dân tộc hiện nay là

- A. thúc đẩy sự phát triển xu thế toàn cầu hoá.
- B. gia tăng số lượng công nhân có trình độ
- C. gia tăng tình trạng thất nghiệp trên toàn cầu
- D. nguy cơ đánh mất văn hóa truyền thống

BÀI 10: VĂN MINH ĐẠI VIỆT

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Những thành tựu tiêu biểu của nền văn minh Đại Việt

1.1. Chính trị

- Các vương triều Đinh- Tiền Lê thiết chế quân chủ trung ương tập quyền, thời Lý-Trần hoàn thiện, đến thời Lê sơ đạt đến đỉnh cao.
- Có 3 cuộc cải cách lớn: Hồ Quý Ly, Lê Thánh Tông, Minh Mạng
- Có 4 bộ luật nổi tiếng: Hình thư (Lý), Hình luật (Trần), Quốc triều hình luật (Lê sơ), Hoàng triều luật lệ (Nguyễn)

1.2. Kinh tế

* Nông nghiệp:

- Nông nghiệp lúa nước và văn hoá làng xã là đặc trưng.
- Công cuộc khai khẩn đất hoang và áp dụng các kỹ thuật ngày càng phát triển.

* Thủ công nghiệp:

- Phát triển mạnh: dệt, gốm, luyện kim, chạm khắc....
- Các xưởng thủ công của nhà nước (Cục Bách tác) sản xuất độc quyền của triều đình: tiền, vũ khí, trang phục...
- Một số làng nghề xuất hiện, chuyên sản xuất các mặt hàng thủ công trình độ cao.
- Thợ thủ công từ nhiều làng buôn ra các đô thị để buôn bán.

* Thương nghiệp:

- Thời Tiền Lê bắt đầu có tiền riêng
- Thời Lý: lập trang Vân Đồn (Q.Ninh) để giao lưu buôn bán với nước ngoài, đến thế kỷ XV nhiều cảng buôn do nhà nước quản lý
- Từ thế kỷ XVI, các công ty ở phương Tây đã đến đây buôn bán khắp cả nước

1.3. Tín ngưỡng, tư tưởng, tôn giáo

- Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, thờ cúng các anh hùng dân tộc được duy trì bên cạnh thờ thần Thành hoàng tại các làng xã cũng đã phổ biến.

* Tư tưởng:

- Tư tưởng yêu nước, lấy dân làm gốc là một giá trị tiêu biểu và xuyên suốt của nền văn minh Đại Việt.
- Nho giáo: du nhập thời Bắc thuộc, thời Lý là triều đại đầu tiên thi cử Nho giáo để tuyển chọn quan lại. Thời Lê Sơ độc tôn nho giáo. Là hệ tư tưởng chính thống của nhà nước quân chủ.
- Phật giáo: Du nhập từ đầu công nguyên, gắn liền sự hình thành và phát triển cùng dân tộc, hòa quyện với tín ngưỡng bản địa.
- Đạo giáo: Xuất hiện ở vị trí nhất định trong xã hội. “Tam giáo đồng nguyên” là đặc điểm nổi bật trong đời sống tôn giáo thời Lý – Trần.
- Sự du nhập Công giáo: Từ năm 1533 các giáo sĩ phương Tây bắt đầu truyền đạo vào nước ta.

1.4. Giáo dục và khoa cử

- Nền khoa cử bắt đầu thời Lý, quy củ ở thời Trần và phát triển ở thời Lê Sơ
- Các triều đại đều có chính sách nhằm khuyến khích giáo dục và khoa cử.
- Một số người nổi tiếng: Mạc Đĩnh Chi, Chu Văn An, Lê Quý Đôn...

1.5. Chữ viết và văn học

- * Chữ viết: - Chữ Hán là văn tự chính thức, được sử dụng rộng rãi
- Chữ Nôm được sử dụng rộng rãi từ thế kỷ XIII
- Chữ Quốc Ngữ xuất hiện từ thế kỷ XVII, dần được hoàn thiện.
- * Văn học: Văn học dân gian ngày càng phát triển, phản ánh đời sống xã hội, đúc kết kinh nghiệm và răn dạy.

Văn học viết chủ yếu là chữ Hán, Nôm thông qua nhiều thể loại: Hịch, Cáo,.. thể hiện tinh thần yêu nước.

1.6. Nghệ thuật

- * Kiến trúc: thành tựu tiêu biểu về kinh thành: Hoa Lư, Thăng Long, Huế..., bên cạnh đó còn có: đình, chùa, miếu ... xây dựng.
- * Điêu khắc: Đạt trình độ cao thể hiện qua tác phẩm chạm khắc trên các công trình kiến trúc, điêu khắc tượng...
- * Tranh dân gian: Tranh thờ và tranh chơi Tết. Làm bằng thủ công.
- * Nghệ thuật biểu diễn:
 - Biểu diễn cung đình: Nhã nhạc cung đình, ca trù
 - Biểu diễn dân gian: Hát ca trù, hát văn.
 - Múa rối nước là loại hình đặc sắc thu hút du khách.

1.7. Khoa học kỹ thuật

Lĩnh vực	Thành tựu
Sử học	Nhà Trần thành lập Quốc sử viện, Nhà Nguyễn thành lập Quốc sử quán. Nhiều bộ sử lớn được biên soạn: Đại Việt sử ký toàn thư, Đại Việt thông sử
Địa lý	Dư địa chí, Hồng Đức bản đồ, Gia định thành thông chí ...
Toán học	Đại thành toán pháp, Lập thành toán pháp, Ý trai toán pháp nhất đắc lục
Quân sự	Chế tạo súng thần cơ, thuyền chiến (nhà Hồ). Các tác phẩm: Binh thư yếu lược, hồ trường khu cơ, kế sách tiên phát chế nhân
Y học	Nhiều danh y nổi tiếng như Tuệ Tĩnh, Hải Thượng Lãn Ông. Tác phẩm” Nam dược thần hiệu, Hải Thượng y tông tâm lĩnh.

2. Ý nghĩa của văn minh Đại Việt trong lịch sử Việt Nam

- Khẳng định tinh thần quật khởi và sức lao động sáng tạo của nhân dân ta
- Những thành tựu chính là sự minh chứng cho sự phát triển vượt bậc trên các lĩnh vực.
- Những thành tựu đó là tạo dựng nên bản lĩnh và bản sắc riêng cho dân tộc Việt Nam.
- Một số thành tựu của văn minh Đại Việt được UNESCO ghi danh là di sản văn hóa thế giới

II. CÂU HỎI THAM KHẢO

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Dưới triều đại nhà Lê (thế kỉ XV), bộ luật thành văn nào sau đây được ban hành?

- A. Hình luật. B. Hình thư. C. Quốc triều hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 2: Các nhà nước phong kiến Việt Nam được xây dựng theo thể chế

- A. Quân chủ lập hiến. B. Chiếm hữu nô lệ. C. Dân chủ chủ nô. D. Quân chủ chuyên chế.

Câu 3: Bộ máy nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền của Đại Việt được hoàn chỉnh dưới triều đại nào?

- A. Thời Lý. B. Thời Trần. C. Thời Lê sơ. D. Thời Hồ.

Câu 4: Các xưởng thủ công của nhà nước dưới các triều đại phong kiến Việt Nam còn được gọi là

- A. Cục bách tác. B. Quốc sử quán. C. Quốc tử giám. D. Hàn lâm viện.

Câu 5: Trung tâm chính trị - văn hóa và đô thị lớn nhất Đại Việt trong các thế kỷ X-XV là

- A. Phố Hiến. B. Thanh Hà. C. Thăng Long. D. Hội An.

Câu 6: Năm 1149, để đẩy mạnh phát triển ngoại thương nhà Lý đã có chủ trương gì?

- A. Phát triển Thăng Long với 36 phố phường.
B. Xây dựng cảng Vân Đồn (Quảng Ninh).
C. Cho phát triển các chợ làng, chợ huyện.
D. Xây dựng một số địa điểm trao đổi hàng hóa ở biên giới.

Câu 7: “Tam giáo đồng nguyên” là sự hòa hợp của của các tôn giáo nào sau đây?

- A. Phật giáo - Đạo giáo - Nho giáo.
B. Phật giáo - Nho giáo - Thiên Chúa giáo.
C. Phật giáo - Đạo giáo - Tín ngưỡng dân gian.
D. Nho giáo - Phật giáo - Ấn Độ giáo.

Câu 8: Hai loại hình văn học chính của Đại Việt dưới các triều đại phong kiến gồm

- A. văn học nhà nước và văn học dân gian. B. văn học viết và văn học truyền miệng.
C. văn học nhà nước và văn học tự do. D. văn học dân gian và văn học viết.

Câu 9: Chữ Nôm trở thành chữ viết chính thống dưới triều đại phong kiến nào của nước ta?

- A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C. Lê sơ. D. Tây Sơn.

Câu 10: Việc cho dựng bia đá ở Văn Miếu Quốc Tử giám thể hiện chính sách nào sau đây của các triều đại phong kiến Việt Nam?

- A. Nhà nước coi trọng giáo dục, khoa cử. B. Ghi danh những anh hùng có công với nước.
C. Ghi lại tiến trình phát triển của lịch sử dân tộc. D. Đề cao vai trò của sản xuất nông nghiệp.

Câu 11: Nội dung nào sau đây **không** phải là chính sách của nhà nước phong kiến Đại Việt trong khuyến khích nông nghiệp phát triển?

- A. Tách thủ công nghiệp thành một ngành độc lập.

- B. Khuyến khích khai hoang, mở rộng diện tích đất canh tác.
- C. Tổ chức nghi lễ cày ruộng tịch điền khuyến khích sản xuất.
- D. Nhà nước quan tâm trị thủy, bảo vệ sức kéo nông nghiệp.

Câu 12: Nội dung nào dưới đây phản ánh **đúng** vai trò của “Quan xưởng” trong thủ công nghiệp nhà nước?

- A. Tạo ra sản phẩm chất lượng cao để trao đổi buôn bán trong và ngoài nước.
- B. Huy động lực lượng thợ thủ công tay nghề cao phục vụ chế tác, buôn bán.
- C. Tạo ra sản phẩm chất lượng cao phục vụ nhu cầu của triều đình phong kiến.
- D. Tạo ra các hình mẫu hỗ trợ thủ công nghiệp cả nước phát triển.

Câu 13: Dưới triều đại phong kiến nhà Lê (thế kỉ XV), nhà nước cho dựng Bia ghi danh tiến sĩ **không** mang ý nghĩa nào sau đây?

- A. Khuyến khích nhân tài.
- B. Vinh danh hiền tài.
- C. Đề cao vai trò của nhà vua.
- D. Răn đe hiền tài.

Câu 14: Văn học chữ Nôm ra đời có ý nghĩa nào sau đây?

- A. Thể hiện sự phát triển của văn minh Đại Việt thời Lý-Trần.
- B. Vai trò của việc tiếp thu văn hóa Ấn Độ vào Đại Việt.
- C. Thể hiện sự sáng tạo, tiếp biến văn hóa của người Việt.
- D. Ảnh hưởng của việc truyền bá Công giáo vào Việt Nam.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây **không** phải là thành tựu của nông nghiệp Việt Nam thời phong kiến?

- A. Cải thiện kỹ thuật thâm canh lúa nước.
- B. Mở rộng diện tích canh tác bằng nhiều biện pháp.
- C. Du nhập và cải tạo các giống cây từ bên ngoài.
- D. Sản phẩm nông nghiệp nâng lên hàng đầu khu vực.

Câu 16: Nội dung nào sau đây là một trong những cơ sở của việc hình thành nền văn minh Đại Việt là

- A. Có cội nguồn từ các nền văn minh lâu đời tồn tại trên đất nước Việt Nam.
- B. Hình thành từ việc lưu truyền các kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
- C. Có nguồn gốc từ việc tiếp thu hoàn toàn văn minh bên ngoài.
- D. Chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền văn hóa Trung Hoa qua ngàn năm Bắc thuộc.

Câu 17. Bộ luật thành văn đầu tiên của Đại Việt là

- A. Hình thư.
- B. Hình luật.
- C. Luật Hồng Đức.
- D. Luật Gia Long.

Câu 18: Bộ luật nào sau đây được xem là bộ luật tiến bộ nhất thời kì phong kiến Việt Nam?

- A. Luật Gia Long
- B. Luật Hồng Đức
- C. Hình luật
- D. Hình thư

Câu 19: “Lễ Tịch điền” được các vua thời Tiền Lê và Lý tổ chức hàng năm nhằm khuyến khích

- A. sản xuất nông nghiệp.
- B. sản xuất thủ công nghiệp
- C. bảo vệ, tôn tạo đê điều.
- D. sự phát triển của giáo dục

Câu 20. Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê đã biên soạn bộ sử nào dưới đây?

- A. Đại Việt sử kí.
- B. Đại Việt sử kí toàn thư.
- C. Lam Sơn thực lục.
- D. Đại Việt thông sử.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây

“Văn hóa Lý – Trần – Hồ là giai đoạn phát triển thịnh đạt của văn hóa Đại Việt. Văn hóa Lý – Trần – Hồ đã chủ động khôi phục lại những yếu tố văn hóa Việt cổ, đồng thời cải biến tích hợp những yếu tố văn hóa ngoại sinh, tạo nên một phong cách riêng cho mình. Văn hóa Đại Việt thời Lý – Trần – Hồ, vì thế, đã mang tính dân tộc sâu sắc.

Cũng dựa trên sự cân bằng văn hóa, văn hóa Lý – Trần – Hồ là sự hỗn dung của dòng văn hóa dân gian với dòng văn hóa cung đình, giữa những yếu tố bình dân với những yếu tố bác học, giữa Phật – Đạo và Nho. Gam màu nổi bật của văn hóa thời kỳ này là sự ưu trội của dòng văn hóa dân gian, đan xen vào sinh hoạt văn hóa cung đình, tuy xu thế phát triển của nó là ngả dần sang văn hóa Đông Á Nho giáo. Văn hóa Đại Việt thời Lý – Trần – Hồ đã mang đậm tính dân gian”.

(Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007, tr.106)

- Văn hóa Đại Việt thời kỳ Lý – Trần – Hồ mang đậm tính dân tộc và tính dân gian.
- “Tam giáo đồng nguyên” là đặc điểm nổi bật trong đời sống tôn giáo thời Lý – Trần.
- Văn hóa Lý – Trần – Hồ phát triển thịnh đạt hoàn toàn dựa trên cơ sở khôi phục lại những yếu tố văn hóa truyền thống trước kia.
- Dưới thời kỳ Lý – Trần – Hồ, văn hóa dân gian và văn hóa cung đình có sự hòa hợp với nhau, nhưng văn hóa dân gian vẫn chiếm ưu thế nổi bật.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Triều Lê sơ thành lập, có thể được coi như một bước ngoặt lịch sử, trong những điều kiện thuận lợi cho những yếu tố phong kiến phát triển. Thiết chế - ý thức hệ phong kiến mà nhà Minh áp đặt trong hai thập kỷ thuộc Minh đã để lại những hệ quả sâu sắc... Ở đây, một nhà nước chuyên chế toàn năng, can thiệp vào mọi mặt đời sống xã hội, đã được xác lập. Đẳng cấp quan liêu được tuyển lựa qua khoa cử, đã trở thành lực lượng thống trị, ngày càng xa cách khỏi quần chúng bình dân làng xã. Trên danh nghĩa, Nho giáo được coi như một hệ tư tưởng phong kiến chính thống độc tôn. Thiết chế - hệ tư tưởng phong kiến đến giai đoạn này, đã được hoàn chỉnh”.

(Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, 2007, tr.129)

- Đoạn tư liệu phản ánh thành tựu của văn minh Đại Việt dưới thời kỳ Lê sơ trên một số lĩnh vực chính trị, văn hóa, giáo dục.
- Thiết chế chính trị của vương triều Lê sơ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nhà Minh (Trung Quốc).
- Dưới thời kỳ Lê sơ, Nho giáo đã chính thức được nâng lên địa vị độc tôn.
- Tính quan liêu, chuyên chế là một đặc điểm nổi bật của bộ máy nhà nước dưới thời kỳ vương triều Lê sơ.

Phần III. Tự luận

Câu 1. Kể tên một số làng nghề thủ công có từ thời kỳ này mà còn tồn tại đến ngày nay.

Câu 2. Theo em, mỗi cá nhân cần làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của những thành tựu văn minh Đại Việt trong thời đại ngày nay?

BÀI 12: ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT VÀ TINH THẦN CỦA CỘNG ĐỒNG CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN:

1. Đời sống vật chất

***Một số hoạt động kinh tế chính**

+ Sản xuất nông nghiệp

- Người Kinh: sản xuất nông nghiệp, đặc biệt canh tác lúa nước là chủ yếu. Bên cạnh đó còn trồng: ngô, khoai, cây củ quả.... Chăn nuôi gia súc, gia cầm, đánh bắt nuôi trồng thủy hải sản.
- Dân tộc thiểu số: canh tác nương rẫy đa canh trên đất dốc, ruộng bậc thang hay vùng thung lũng chân núi và khu vực ĐBSCL.

+ Thủ công nghiệp:

- Người Kinh: làm nhiều nghề thủ công truyền thống như: gốm, dệt, đan, rèn, mộc.... vừa sử dụng vừa xuất khẩu.
- Dân tộc thiểu số: Phát triển đa dạng nghề thủ công mang dấu ấn và bản sắc riêng: dệt, đan, rèn,...

*. Ăn, mặc, ở

- Người Kinh: ăn cơm, rau, cá... sáng tạo nhiều món ăn tùy vùng miền. Trang phục thường ngày gồm áo, quần (váy) kết hợp với các đồ khác và trang sức. Ở trong các ngôi nhà trệt được xây bằng gạch hoặc đắp đất
- Dân tộc thiểu số: ăn giống người Kinh tuy nhiên có sự săn bắt và chăn nuôi, mỗi dân tộc có cách nấu ăn khác nhau. Trang phục được may bằng vải tơ tằm, bông, lanh..... Ở ngôi nhà sàn, nhà trệt hoặc nửa sàn nửa trệt.

*Đi lại, di chuyển

- Người Kinh: Di chuyển bằng trâu, bò, ngựa, thuyền bè....
- Dân tộc thiểu số: Chủ yếu đi bộ hoặc vận chuyển đồ bằng gùi, sử dụng động vật thuần dưỡng

2. Đời sống tinh thần

*Tín ngưỡng, tôn giáo

- Dù là người Kinh hay người dân tộc thiểu số đều thờ các vị thần, cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc cùng với đó tiếp thu các tôn giáo lớn như: Phật giáo, Đạo giáo, Công giáo, Tin Lành...

* Phong tục, tập quán, lễ hội

- Người Kinh thực hành phong tục liên quan đến: chu kỳ vòng đời, canh tác, thời gian/ thời tiết. Lễ hội người kinh phong phú và đa dạng quy mô từ vùng, quốc gia, quốc tế
- Dân tộc thiểu số: duy trì phong tục liên quan đến: chu kỳ vòng đời, canh tác và có một số liên quan đến chu kỳ thời gian/thời tiết. Lễ hội chủ yếu liên quan đến tế, cúng, chùa đền, tháp với quy mô ở bản làng và tộc người.

II. CÂU HỎI THAM KHẢO

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1. Canh tác lúa nước là hoạt động kinh tế chính của tộc người nào sau đây ở Việt Nam?

- A. Kinh. B. Thái. C. Chăm. D. Mường.

Câu 2. Những nghề thủ công ra đời sớm, phát triển mạnh hầu hết các dân tộc ở nước ta là

- A. nghề dệt và nghề đan. B. nghề rèn, đúc và nghề mộc.
C. nghề gốm và nghề rèn đúc. D. nghề gốm và làm đồ trang sức.

Câu 3. Lễ hội liên quan đến chùa chiềng là phổ biến của tộc người thiểu số nào ở nước ta?

- A. Người Khơ-me. B. Người Kinh. C. Người Chăm. D. Người Mường.

Câu 4. Lễ hội của tộc người thiểu số ở nước ta chủ yếu được tổ chức với quy mô

- A. từng làng/bản và tộc người. B. nhiều làng/bản hay cả khu vực.
C. tập trung ở các đô thị lớn. D. theo từng dòng họ ruột thịt.

Câu 5. Tín ngưỡng tôn giáo nào sau đây được người Việt tiếp thu từ bên ngoài?

- A. Thờ Phật. B. Thờ anh hùng dân tộc.
C. Thờ ông Thành hoàng. D. Thờ cúng tổ tiên.

Câu 6. Về phong tục, tập quán, lễ hội của người Kinh khác hầu hết các dân tộc thiểu số là liên quan

- A. chu kì thời gian/ thời tiết. B. chu kì vòng đời.
C. chu kì canh tác. D. chu kì Mặt Trăng.

Câu 7. Yếu tố nào **không** phải là đặc điểm trong hoạt động sản xuất chủ yếu của tộc người Kinh?

- A. Trồng lúa trên ruộng bậc thang. B. Phát triển nuôi trồng thủy - hải sản.
C. Thường xuyên đắp đê ngăn lũ lụt. D. Trồng lúa và cây lương thực khác.

Câu 8. Nội dung nào là đặc điểm trong hoạt động sản xuất nông nghiệp của tộc người thiểu số ở nước ta?

- A. Lúa nước được trồng ở ruộng bậc thang. B. Phát triển nuôi trồng thủy - hải sản.
C. Phải thường xuyên đắp đê ngăn lũ lụt. D. Phải thường xuyên thau chua rửa mặn.

Câu 9. Vì sao hoạt động kinh tế chính của người Kinh ngày xưa là sản xuất nông nghiệp trồng cây lúa nước?

- A. Do cư trú chủ yếu ở vùng đồng bằng. B. Do cư trú ở các sườn núi và đồi cao.
C. Do cư trú chủ yếu ở các thung lũng. D. Do chỉ có cây lúa nước là cây lương thực.

Câu 10. Sản xuất nông nghiệp của người Kinh và các dân tộc thiểu số có điểm gì giống nhau?

- A. Điều phát triển nông nghiệp với đặc trưng là trồng lúa...
B. Chủ yếu là trồng lúa nương, ngô, khoai, sắn, cây ăn quả...
C. Phát triển đánh bắt thủy - hải sản. Ít chú trọng nuôi thủy hải sản...
D. Chủ yếu là trồng lúa nước, bên cạnh đó trồng cả sắn, ngô, củ quả...

Câu 11. Nét tương đồng trong bữa ăn của các cộng đồng dân tộc Việt Nam trước đây là

- A. cơm tẻ, rau, cá. B. cơm nếp, rau, cá. C. bánh mì, khoai tây. D. cơm thập cẩm.

Câu 12. Tín ngưỡng phổ biến và tiêu biểu nhất của người Việt là

- A. thờ cúng tổ tiên. B. thờ Thần linh. C. thờ phồn thực. D. thờ cúng Phật.

Câu 13. Vì sao các dân tộc thiểu số ở nước ta trước đây chủ yếu đi lại, vận chuyển là đi bộ và vận chuyển đồ bằng gùi?

- A. Do sống chủ yếu ở miền núi dốc, hẹp.
B. Do sống chủ yếu ở vùng đồng bằng nhiều sông, kênh.
C. Do nhu cầu vận chuyển đồ đạc ngày càng nhiều.
D. Do lúc bấy giờ phương tiện xe và thuyền chưa xuất hiện

Câu 14. Nội dung nào sau đây phản ánh điểm tương đồng về sản xuất nông nghiệp của người Kinh và các dân tộc thiểu số ở Việt Nam?

- A. Canh tác lúa và các cây lương thực. B. Chủ yếu canh tác ở nương rẫy.
C. Canh tác lúa bằng ruộng bậc thang. D. Chủ yếu canh tác ở đồng bằng.

Câu 15. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu vận chuyển đồ bằng

- A. gùi. B. ô tô. C. địu. D. tàu hỏa.

Câu 16. Tín ngưỡng nào sau đây **không** phải là tín ngưỡng bản địa của người Kinh?

- A. Thờ Thành hoàng làng. B. Thờ cúng tổ tiên.
C. Thờ người có công với cộng đồng. D. Thờ Chúa.

Câu 17. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về lễ hội của người Kinh?

- A. Quy mô lễ hội khá đa dạng. B. Mang đậm tính truyền thống.
C. Lễ hội chỉ diễn ra vào mùa xuân. D. Hệ thống lễ hội đa dạng và phong phú.

Câu 18. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam?

- A. Chỉ tiếp thu văn hóa phương Đông. B. Mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.
C. Có tiếp thu văn hóa bên ngoài. D. Đời sống đa dạng và phong phú.

Câu 19. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam vẫn duy trì tín ngưỡng nào sau đây?

- A. Thờ Phật. B. Thờ Chúa. C. Thờ Thánh Ala. D. Vạn vật hữu linh.

Câu 20. Trước đây, các dân tộc thiểu số ở Việt Nam chủ yếu làm nương rẫy theo hình thức

- A. xen canh. B. luân canh. C. du canh. D. định canh.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, góp phần làm nên sự phong phú, đa dạng trong tính thống nhất của nền văn hoá Việt Nam. Bản sắc văn hoá của các dân tộc được hình thành và phát triển gắn liền với lịch sử dân tộc, điều đó đã tạo nên những sắc thái văn hoá riêng của từng dân tộc. Sự thống nhất trong đa dạng là đặc điểm của nền văn hoá cộng đồng các dân tộc ở nước ta.

(Trích *Cộng đồng các dân tộc Việt Nam*, trang 12)

- a) Nền văn hóa cộng đồng các dân tộc Việt Nam phong phú, đa dạng.
b) Nền văn hóa cộng đồng các dân tộc nước ta không có bản sắc văn hóa đặc trưng của từng dân tộc.
c) Không có sự thống nhất trong nền văn hóa các dân tộc Việt Nam.
d) Mỗi dân tộc mang lại nét độc đáo văn hóa riêng.

Câu 2. Cho bảng dữ liệu về một số thành tựu đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam:

Lĩnh vực	Thành tựu
Tín ngưỡng, tôn giáo	- Tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc ở Việt Nam là tín ngưỡng dân gian (đất, thờ cúng tổ tiên, các vị anh hùng,...) - Các tôn giáo lớn: Phật giáo (chủ yếu là người Việt, Hoa và Khơ me), Hồi giáo (chủ yếu là người Chăm),...
Phong tục, tập quán, lễ hội	- Điều có phong tục, tập quán gắn liền với đời người như sinh đẻ, cưới hỏi, làm nhà, ma chay - Lễ hội thường gắn với sản xuất nông nghiệp hoặc gắn với các tín ngưỡng, tôn giáo như lễ hội Đền Hùng, lễ hội chùa Hương (người Kinh), lễ hội Cầu mùa (dân tộc Dao, Thái,...), lễ hội Cồng chiêng (các dân tộc Tây Nguyên), lễ hội Lồng Tồng (dân tộc Tày),...
Các lĩnh vực khác	- Âm nhạc, văn học, dân ca, các điệu múa,...mỗi dân tộc đều có những nét đặc sắc, góp phần làm giàu kho tàng văn học Việt Nam.

- a) Đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam hết sức đa dạng, phong phú.
b) Các tín ngưỡng cổ truyền vẫn được duy trì.
c) Các lễ hội của các dân tộc ngày nay đã ít đi.
d) Có sự du nhập, giao lưu của các tôn giáo lớn.

Phần III. Tự luận

Câu 1. Hãy cho biết một số nghề thủ công nổi tiếng ở địa phương em, hoặc em được biết qua sách, báo, truyền hình.

Câu 2. Theo em văn hóa ăn, mặc, ở của cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam có sự thay đổi như thế nào trong những năm gần đây? Nêu một số ví dụ ở địa phương em.

BÀI 13: KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT DÂN TỘC TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử Việt Nam

a. Sự hình thành khối đại đoàn kết dân tộc

- Tình yêu gia đình và quê hương đất nước
- Yêu cầu liên kết để trị thủy, làm thủy lợi phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.
- Yêu cầu tập hợp lực lượng để đấu tranh chống ngoại xâm.

*** Biểu hiện của khối đại đoàn kết dân tộc qua các thời kì lịch sử:**

- Khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam được hình thành từ rất sớm - thời dựng nước Văn Lang, Âu Lạc.
- Qua các thời kì lịch sử khối đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam ngày càng được củng cố và phát huy sức mạnh:
 - + Củng cố sức mạnh đại đoàn kết dân tộc qua cuộc đấu tranh bền bỉ trong hơn 1000 năm chống lại sự thống trị, đồng hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc, giành lại độc lập dân tộc.
 - + Thời kì phong kiến tự chủ: khối đại đoàn kết giữa người Kinh với các dân tộc thiểu số luôn được các vương triều quan tâm, xây dựng thông qua chính sách, biện pháp cụ thể.
 - + Khi Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập (1930), khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố, mở rộng, phát triển và trở thành một trong những nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng, phát triển, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

b. Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước.

- Khối đại đoàn kết dân tộc có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành nhà nước Văn Lang, nhà nước đầu tiên.
- Một trong những nhân tố quyết định sự thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm và bảo vệ đất nước

c. Vai trò, tầm quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc trong lịch sử dựng nước và giữ nước, xây dựng tổ quốc hiện nay.

- Trong thời đại này, nó có vai trò trong việc phát triển kinh tế, văn hoá, gìn giữ sự ổn định xã hội.... đặc biệt là ở biên giới và hải đảo.
- Được phát huy trong thiên tai, dịch bệnh

2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay

a. Quan điểm của chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước hiện nay

- Quan điểm được thực hiện trên 3 nguyên tắc: Đoàn kết, Bình đẳng, Tương trợ nhau cùng phát triển.

b. Nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước

- Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách phù hợp với từng thời kì, từng vùng, miền, địa phương, từng dân tộc nhằm gìn giữ, phát huy, phát triển khối đại đoàn kết dân tộc.

- Điểm nổi bật nhất trong chính sách dân tộc của nhà nước Việt Nam hiện nay là tính toàn diện, trên tất cả các lĩnh vực KT-VH-XH-ANQP, nhưng có những chính sách đặc thù phù hợp cho từng khu vực, dân tộc...

II. CÂU HỎI THAM KHẢO

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác dân tộc và chính sách dân tộc?

- A. Kêu gọi toàn dân tham gia vào Mặt trận dân tộc.
- B. Nghiêm cấm mọi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.
- C. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng vùng miền.
- D. Đề ra chủ trương chính sách hoạt động tôn giáo.

Câu 2: Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam mới ra đời có tên gọi là gì?

- A. Hội phản đế nhân dân.
- B. Hội phản đế Việt Nam.
- C. Hội phản đế Đồng minh.
- D. Hội phản đế Đông Dương.

Câu 3: Nhân tố quan trọng nào sau đây quyết định sự thành công của các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam trong lịch sử?

- A. Khối Đại đoàn kết dân tộc.
- B. Tinh thần đấu tranh anh dũng.
- C. Nghệ thuật quân sự độc đáo.
- D. Sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt.

Câu 4: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác dân tộc và chính sách dân tộc?

- A. Kêu gọi toàn dân tham gia vào Mặt trận dân tộc.
- B. Nghiêm cấm mọi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.
- C. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng địa phương.
- D. Đề ra chủ trương chính sách hoạt động tôn giáo.

Câu 5: Khối đoàn kết dân tộc Việt Nam đã được hình thành từ khi nào?

- A. Từ thời dựng nước Văn Lang – Âu Lạc.
- B. Từ khi thắng lợi 1000 năm Bắc thuộc.
- C. Từ khi giành được nền độc lập tự chủ.
- D. Từ khi giặc phương Bắc sang xâm lược.

Câu 7: Một trong những cơ sở hình thành khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam là từ yêu cầu

- A. giúp đỡ, chia sẻ nhau trong cuộc sống.
- B. tập hợp lực lượng đấu tranh chống ngoại xâm.
- C. tập hợp chống thù dữ khi cuộc sống còn sơ khai.
- D. chế tạo công cụ lao động trong sinh hoạt hàng ngày.

Câu 8: Nhân tố nào sau đây quyết định thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng phát triển, bảo vệ tổ quốc hiện nay?

- A. Truyền thống yêu nước nồng nàn của nhân dân Việt Nam.
- B. Sự liên kết chặt chẽ của các dân tộc trên đất nước Việt Nam.
- C. Khối đại đoàn kết dân tộc ngày càng được củng cố và mở rộng.
- D. Ý thức xây của toàn dân tham gia đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc.

Câu 9: Khối Đại đoàn kết các dân tộc Việt Nam được thể hiện tập trung trong Mặt trận nào sau đây?

- A. Mặt trận nhân dân thống nhất Việt Nam.
- B. Mặt trận dân chủ thống nhất Việt Nam.
- C. Mặt trận dân tộc dân chủ Việt Nam.
- D. Mặt trận dân tộc thống nhất Việt Nam.

Câu 10: Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của Việt Nam, khối Đại đoàn kết dân tộc có vai trò như thế nào?

- A. Rất quan trọng.**
C. Tương đối quan trọng
- B. Đặc biệt quan trọng.**
D. Tương đối đặc biệt.

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác dân tộc và chính sách dân tộc?

- A.** Kêu gọi toàn dân tham gia vào Mặt trận dân tộc.
B. Nghiêm cấm mọi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.
C. Đề ra chủ trương chính sách hoạt động tôn giáo.
D. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng thời kỳ.

Câu 12: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong công tác dân tộc và chính sách dân tộc?

- A.** Kêu gọi toàn dân tham gia vào Mặt trận dân tộc.
B. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng dân tộc.
C. Đề ra chủ trương chính sách hoạt động tôn giáo.
D. Nghiêm cấm mọi hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo.

Câu 13: Nguyên tắc nào sau đây là quan điểm của Đảng Cộng Sản Việt Nam trong việc xây dựng và phát triển khối Đại đoàn kết dân tộc?

- A.** Đoàn kết, bình đẳng và tương trợ cùng phát triển.
B. Bình đẳng, hợp tác và giúp đỡ nhau cùng phát triển.
C. Đoàn kết, giúp đỡ nhau để vượt qua mọi khó khăn.
D. Hợp tác, tương trợ và giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Câu 14: Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng tác dụng trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam?

- A. Phát huy hiệu quả, thực sự đi vào cuộc sống.**
B. Làm thay đổi diện mạo kinh tế, văn hóa, xã hội.
C. củng cố giữ vững biên giới và toàn vẹn lãnh thổ.
D. Làm nền tảng trong quá trình hội nhập hiện nay.

Câu15: Nhà nước chủ trương phát triển kinh tế miền núi, vùng dân tộc thiểu số để khắc phục vấn đề nào sau đây?

- A.** Chênh lệch giữa các vùng, các dân tộc. **B.** Tình trạng thiếu lương thực, thực phẩm.
C. Tình trạng lạc hậu về khoa học kỹ thuật. **D.** Cơ sở hạ tầng phát triển không đồng bộ.

Câu 16: Yếu tố nào **không** phải là cơ sở hình thành khối đoàn kết dân tộc Việt Nam?

- A.** Yêu cầu trị thủy để phục vụ sản xuất nông nghiệp.
B. Yêu cầu làm thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.
C. Yêu cầu tập hợp lực lượng chống giặc ngoại xâm.
D. Yêu cầu hợp tác và giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Câu 17: Sức mạnh nào góp phần quyết định giúp dân tộc Việt Nam giành được những thắng lợi lớn trong công cuộc chống ngoại xâm?

- A.** Nghệ thuật quân sự độc đáo.
B. Khôi Đại đoàn kết dân tộc.
C. Tinh thần đấu tranh anh dũng.
D. Truyền thống yêu nước.

Câu 18: Truyền thuyết nào sau đây chứng minh khối Đại đoàn kết dân tộc Việt Nam đã có từ thuở bình minh lịch sử?

- A. Con Rồng Cháu Tiên. B. Bánh Trùng, Bánh Dày.
C. Sự tích Trầu Cau. D. Sơn Tinh Thủy Tinh.

Câu 19: Ngày nay trong sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa và giữ gìn ổn định xã hội, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia, khối Đại đoàn kết dân tộc có vai trò gì?

- A. Củng cố an ninh quốc phòng. B. Bảo vệ chủ quyền quốc gia.
C. Huy động sức mạnh toàn dân tộc. D. Chống lại các thế lực thù địch.

Câu 20: Nội dung nào sau đây được quán triệt trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhằm xây dựng khối Đại đoàn kết dân tộc?

- A. Bình đẳng, hợp tác và giúp đỡ nhau cùng phát triển.
B. Đoàn kết, giúp đỡ nhau để vượt qua mọi khó khăn.
C. Hợp tác, tương trợ và giúp đỡ nhau trong cuộc sống.
D. Đoàn kết, bình đẳng và tương trợ cùng phát triển.

Câu 21: Nội dung nào phản ánh **không** đúng quan điểm của Đảng và Nhà nước trong công tác dân tộc và chính sách dân tộc?

- A. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng vùng miền.
B. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng địa phương.
C. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng dân tộc.
D. Đề ra chủ trương chính sách phù hợp từng đơn vị.

Câu 22: Tính toàn diện trong chính sách dân tộc của Nhà nước Việt Nam hiện nay được thể hiện trên các lĩnh vực nào sau đây?

- A. Chính trị, quân sự, văn hóa, an sinh xã hội.
B. Kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng.
C. Kinh tế, chính trị, xã hội, an ninh quốc phòng.
D. Chính trị, văn hóa, giáo dục, an ninh quốc phòng.

Câu 23: Đảng và Nhà nước Việt Nam căn cứ vào đâu để thực hiện chính sách xã hội trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số?

- A. Đặc điểm chung và đường lối riêng về trình độ phát triển kinh tế - xã hội.
B. Đặc điểm và đường lối riêng biệt về trình độ phát triển kinh tế - xã hội.
C. Đường lối chung và đặc điểm riêng về trình độ phát triển kinh tế - xã hội.
D. Đường lối và đặc điểm hài hòa về trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

Câu 24: Lĩnh vực nào sau đây **không** phải là nội dung cơ bản trong chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam?

- A. Kinh tế. B. Văn hóa. C. Xã hội. D. Ngoại giao.

Câu 25: Yếu nào sau đây là nội dung bao trùm trong chính sách văn hóa dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay?

- A. Xây dựng nền văn hóa theo từng đặc điểm của vùng miền.
B. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.
C. Xây dựng nền văn hóa trên nền tảng dân tộc Kinh.
D. Xây dựng nền văn hóa hài hòa trên nền tảng nhiều dân tộc.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam, là động lực và nguồn lực to lớn trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc...

(Đảng Cộng sản Việt Nam, *văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2016, tr. 158)

- a) Đại đoàn kết toàn dân tộc có vai trò to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội.
- b) Là cơ sở để huy động sức mạnh của toàn dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ chủ quyền quốc gia
- c) Đại đoàn kết toàn dân tộc đã và đang được phát huy cao độ khi có thiên tai, dịch bệnh.
- d) Khối đại đoàn kết toàn dân tộc có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình hình thành nhà nước đầu tiên ở Việt Nam.

Câu 2. Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Điều 5, Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2013, có đoạn: “Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; nghiêm cấm mọi hành vi kì thị, chia rẽ dân tộc”.

(Theo *Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020, tr. 10 – 11)

- a) Thể hiện chính sách đại đoàn kết các dân tộc là chính sách nhất quán, xuyên suốt của Đảng và Nhà nước trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam.
- b) Thể hiện sức mạnh tuyệt đối của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- c) Khối đại đoàn kết dân tộc Việt Nam được hình thành từ rất sớm - thời dựng nước Văn Lang, Âu Lạc
- d) Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chủ trương, chính sách phù hợp với từng thời kì, từng vùng, miền, địa phương, từng dân tộc nhằm gìn giữ, phát huy, phát triển khối đại đoàn kết dân tộc.

Phần III. Tự luận

Câu 1. Nêu những hành động mà một công dân có thể thực hiện để góp phần xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc.

Câu 2. Theo em, nếu không có khối đại đoàn kết dân tộc thì đất nước ta sẽ ra sao?

----HẾT----